

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-PT.

Ngày: 25 - 5 - 2022.

Về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang
Bà Đỗ Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 66/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc tạm dừng mở phiên tòa xét xử vụ án số: 173/DS-PT ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số: 216/DS-PT ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Số nhà x53/2y, Tổ 2, khu phố 4, phường Th, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tạ Miên L, sinh năm 1945.

Địa chỉ: 2xx/4 Nguyễn HC, phường Nh, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Theo giấy ủy quyền ngày 08/4/2022)

- Bị đơn: Cháu Lê Nhật A, sinh ngày 18-7-2004.

Nơi cư trú: Số nhà 2xx, đường Thích QĐ, khu phố 6, phường A, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Đình N, sinh năm 1970.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, Ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Nai (cha ruột của cháu A).

2/ Bà Vũ Thị Kim L, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Số nhà 2xx, đường Thích QĐ, khu phố 6, phường A, thành phố K, tỉnh Đồng Nai (mẹ ruột của cháu A).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thùy A, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Số nhà 2xx, đường Thích QĐ, khu phố 6, phường A, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Lê Đình N, chị Lê Thùy A ủy quyền cho bà Vũ Thị Kim L đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 22-6-2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Vào ngày 18-8-2018, bà Hoàng Thị T đi bán vé số bằng xe đạp đang lưu thông trên đường Trần Huy Liệu, phường H hướng từ phía đường Cách Mạng Tháng Tám đi vào thì bất ngờ xe mô tô do Lê Nhật A, sinh ngày 18-7-2004 điều khiển đi cùng chiều tông thẳng vào phía sau bà T, làm bà T ngã xuống đường bất tỉnh phải đi cấp cứu. Hậu quả vụ tai nạn làm bà T bị thương tích và phải điều trị.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1022/TgT/2018 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận về thương tích của bà Hoàng Thị T như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương gây xẹp thân sống D12 (Áp dụng Chương 8, Điều XII, Mục 3.1). Tỷ lệ: 25%.

- Tổn thương chấn động não đã điều trị, hiện diện não có hội chứng suy nhược (Áp dụng Chương 2, Điều II, Mục 3). Tỷ lệ 06%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 30%.”

Quá trình giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ tai nạn giao thông nêu trên, mặc dù hai bên đã ngồi lại thương lượng với nhau nhưng không có kết quả. Nay nguyên đơn yêu cầu đại diện hợp pháp của bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại các khoản sau đây:

- Tiền chi phí khám, điều trị bệnh, tiền thuốc, tiền viện phí: 5.559.175đ;

- Tiền thuê xe đi khám bệnh tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình (Thành phố Hồ Chí Minh): 900.000đ (03 lần x 300.000đ);
- Tiền người nuôi bệnh: 3.000.000đ;
- Tiền thu nhập bị mất: 10.500.000đ (Từ ngày 18-8-2018 đến ngày 19-11-2018, mỗi ngày thu nhập số tiền 150.000đ);
- Tổn thất về mặt tinh thần, yêu cầu tương ứng với 37 lần mức lương cơ sở số tiền là 55.130.000đ (1.490.000đ x 37);

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn còn có yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại khác gồm: Thiệt hại về tài sản (mua xe đạp mới) số tiền 1.000.000đ; tiền bồi dưỡng sức khỏe 3.000.000đ.

Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu đại diện hợp pháp của bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền là 79.129.175đ (Bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi chín nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án), do bà L đại diện trình bày:

Bà L thừa nhận vào ngày 18-8-2018, con bà là Lê Nhật A, sinh ngày 18-7-2004, không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 60B2-579.xx lưu thông trên đường Trần Huy Liệu thuộc khu phố 1, phường H, thành phố K, tỉnh Đồng Nai thì gây tai nạn cho bà Hoàng Thị T, điều khiển xe đạp đi cùng chiều phía trước.

Sau khi gây tai nạn, cháu A có gọi điện về báo cho bà biết, bà đã đến hiện trường và đưa bà T đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa khu vực. Sau khi chụp phim thì bác sỹ kết luận bà T không có thương tích gì đáng kể nên cho về nhà điều trị nhưng bà T không đồng ý, yêu cầu được nhập viện để theo dõi. Bà đã làm thủ tục nhập viện cho bà T và đóng viện phí đầy đủ, sau đó đã đưa cho bà T, tổng cộng số tiền khoảng 9.000.000đ để lo thuốc men. Bà T nằm viện khoảng một tuần thì xuất viện, không báo cho bà biết, bà T tự thanh toán viện phí và tính luôn vào số tiền mà bà đã đóng tạm ứng viện phí.

Đối với các khoản thiệt hại theo yêu cầu của bà T là quá cao, bà không đồng ý, bà đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thùy A (do bà L đại diện) trình bày:

Chị Lê Thùy A là chủ sở hữu của xe mô tô biển số 60B2-579.xx, xe do bà mua cho chị Thùy A để cho chị làm phương tiện đi học. Vào ngày 18/8/2018, xe đang chạy thử và để tại nhà, trên xe cắm sẵn chìa khóa, Lê Nhật A là em ruột của chị Thùy A đã tự ý lấy xe đi. Sau đó, chị Thùy A được bà gọi điện thoại báo là em điều khiển xe gây tai nạn cho bà T. Bà xác định chị Thùy A không biết em lấy xe đi. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Hoàng Thị T, chị Thùy A không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố K đã căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 584, 585, 586 và 590 Bộ

luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, về việc yêu cầu đại diện hợp pháp của cháu Lê Nhật A (ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L) bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L là đại diện hợp pháp của cháu Lê Nhật A có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Hoàng Thị T tổng số tiền là 40.759.175 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L phải liên đới chịu số tiền 2.037.958 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị T.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Kháng cáo:

Ngày 12/10/2021, nguyên đơn bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do: bà yêu cầu bồi thường số tiền 79.129.175 đồng, nhưng bản án sơ thẩm cắt bỏ bớt số tiền, chỉ buộc bồi thường số tiền 40.759.175 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu.

Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy

định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Nội dung phát biểu của Kiểm sát viên được thể hiện trong bài ý kiến phát biểu đã được công khai tại phiên tòa. Tóm lại, nội dung lập luận cho rằng yêu cầu kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật, bản án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T, nhưng sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng ý bồi thường thêm tiền giá trị chiếc xe đạp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị T có yêu cầu Luật gia Hồ Duy T bảo vệ quyền lợi cho bà, tại cấp phúc thẩm bà xác định không tiếp tục yêu cầu Luật gia bảo vệ quyền lợi cho mình, bà ủy quyền cho ông Tạ Miên L tham gia tố tụng.

Bị đơn cháu Lê Nhật A; người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Kim L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình N, chị Lê Thùy A (do bà Vũ Thị Kim L đại diện theo ủy quyền), bà L có mặt tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, nhận thấy:

Từ kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K (nay là thành phố K), lời khai thừa nhận của cháu A, đủ cơ sở để xác định, cháu A là người điều khiển xe mô tô biển số 60B2-579.xx, do không chú ý quan sát, không có giấy phép lái xe theo quy định, gây tai nạn giao thông với xe đạp do bà Hoàng Thị T điều khiển, làm thiệt hại về sức khỏe cho bà Hoàng Thị T, lỗi trong vụ tai nạn giao thông hoàn toàn thuộc về cháu A, do đó phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn giao thông cũng như tại thời điểm xét xử, cháu A chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng nên cha mẹ của cháu là ông Lê

Đình N và bà Vũ Thị Kim L có trách nhiệm bồi thường thay theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ của hồ sơ vụ án. Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc người đại diện hợp pháp cho cháu Lê Nhật A có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Hoàng Thị T số tiền 40.759.175 đồng, bao gồm:

- Các khoản chi phí điều trị:
 - + Viện phí tại Bệnh viện đa khoa khu vực K, hóa đơn số 0048079, số tiền: 105.995 đồng;
 - + Chụp X-Quang, hóa đơn số 0018550, số tiền 69.000 đồng;
 - + Chi phí khám bệnh ngày 07-9-2018 tại Bệnh viện chấn thương chỉnh, hóa đơn số 0075717, số tiền: 39.000 đồng;
 - + Chi phí khám bệnh ngày 02-10-2018 tại Bệnh viện chấn thương chỉnh, hóa đơn số 0293948, số tiền: 100.000 đồng;
 - + Tiền thuốc, số hóa đơn M.1809070070, số tiền: 2.063.880 đồng;
 - + Tiền thuốc, số hóa đơn B.1810020056, số tiền: 767.600 đồng;
 - + Tiền thuốc, số hóa đơn B.1811050097, số tiền: 623.700 đồng;
 - + Chi phí chứng thương, số hóa đơn 0045612, số tiền 120.000 đồng;
 - + Phí y chứng, số hóa đơn 0116589, số tiền 120.000 đồng;

Cộng số tiền chi phí điều trị là: 4.009.175 đồng (Bốn triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).⁽¹⁾

- Khoản tiền thuê xe đi điều trị: Căn cứ ngày tháng trên các hóa đơn khám bệnh, hóa đơn tiền thuốc mà nguyên đơn cung cấp, thì chi phí thuê xe đi điều trị là có thật, là khoản tiền thực tế phát sinh. Về mức tiền xe di chuyển từ thành phố K đi Thành phố Hồ Chí Minh với mỗi lượt đi về số tiền 300.000 đồng là phù hợp với thực tế. Do đó, chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) (300.000đ x 03 lượt).⁽²⁾

- Khoản tiền thu nhập thực tế bị mất của nguyên đơn: Từ ngày 18-8-2018 đến ngày 24-8-2018 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực K (07 ngày); Bác sĩ chỉ định nghỉ tại giường hai tuần (14 ngày); đến các tháng 9, 10, 11-2018 bà T vẫn tiếp tục khám, điều trị tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình, ngày cuối cùng căn cứ trên hóa đơn khám bệnh là ngày 05-11-2018. Do đó, thời gian điều trị của bà T được tính tối đa từ ngày 18-8-2018 đến ngày 05-11-2018, tổng cộng là 77 ngày. Thời gian điều trị nêu trên của bà T phù hợp với nội dung Công văn số 1155/BV-KHTH ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực K tham khảo về thời gian khỏi bệnh của bà T “Thời gian nghỉ dưỡng: 01 tháng; thời gian lành xương thông thường 03 tháng (tùy theo từng trường hợp cụ thể” (Bút lục số 52). Trước thời điểm bị tai nạn, bà T làm nghề bán vé số, theo bà T, bà có thu nhập trung bình mỗi ngày 150.000 đồng, mức thu nhập theo yêu cầu của bà T không vượt quá mức lương tối thiểu vùng trên địa bàn thành phố K 3.980.000đ/tháng (Bút lục 342). Do đó, số tiền thu nhập bị mất của bà T được tính là: 150.000đ x 77 ngày = 11.550.000 đồng. Bà T yêu cầu mức bồi thường thấp hơn, là có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận số tiền thu nhập bị mất là 10.500.000 đồng.⁽³⁾

- Khoản tiền thu nhập bị mất của người chăm sóc: Trong tổng thời gian điều trị của bà T, có khoảng thời gian từ ngày 18-8-2018 đến ngày 24-8-2018 tại Bệnh viện đa khoa khu vực K (07 ngày); Bác sĩ chỉ định nghỉ tại giường 02 tuần (14 ngày). Trong những ngày này, bệnh nhân cần có người chăm sóc, thu nhập bị mất của người chăm sóc được tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật là 300.000đ/người x 21 ngày = 6.300.000đ (Bút lục 341). Nguyên đơn yêu cầu mức 3.000.000đ là có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận theo mức yêu cầu của nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.⁽⁴⁾

- Khoản tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần: Bà T yêu cầu bồi thường tương ứng 37 lần mức lương cơ sở là không phù hợp. Bởi lẽ, vụ tai nạn giao thông xảy ra do lỗi vô ý, thương tích 30% do vụ tai nạn gây ra cho bà T không để lại dị tật, dị hình và không xấu về thẩm mỹ, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tương ứng với 15 tháng lương cơ sở số tiền là 1.490.000đ x 15 = 22.350.000 đồng.⁽⁵⁾

Như vậy, tổng cộng các khoản tiền bà T được chấp nhận là: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 40.759.175 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Các yêu cầu khác của bà T trong quá trình giải quyết vụ án, theo “Bản kê chi phí điều trị” ngày 15-01-2019 (Bút lục số 16) không được chấp nhận với những lý do sau đây:

- Số tiền 1.490.000 đồng khoản chi phí khám chữa bệnh có xác nhận của ông Nguyễn Văn H, không có chứng từ hợp lệ, không theo chỉ định của bác sĩ, nên không được chấp nhận.

- Số tiền 1.000.000 đồng thiệt hại về tài sản là xe đạp (phương tiện trong vụ tai nạn giao thông), theo Biên bản tạm giữ phương tiện ngày 19-8-2018 (Bút lục số 316) và Báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K (Bút lục số 322) thì hậu quả vụ tai nạn giao thông làm xe đạp hư hỏng nhẹ. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận đã được trả lại phương tiện nhưng bà không nhận do xe đã hư hỏng. Do chưa có cơ sở để xác định thiệt hại của phương tiện nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu này của nguyên đơn.

- Số tiền 3.000.000 đồng “bồi bổ sức khỏe” là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, số tiền thu nhập bị mất của bà T đã được tính nêu trên, bao gồm cả tiền chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày của người bị thiệt hại.

Từ những căn cứ được phân tích, đánh giá nêu trên cho thấy bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hoàng Thị T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường tổng cộng là 79.129.175 đồng, nghĩa là yêu cầu bồi thường thêm số tiền 38.370.000 đồng nhưng bà T không cung cấp được tình tiết pháp lý nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn tiền giá trị chiếc xe đạp là 1.000.000 đồng, nên ghi nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị T thuộc trường hợp không phải chịu án phí, nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị T. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 và 601 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, về việc yêu cầu đại diện hợp pháp của cháu Lê Nhật A (ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L) bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L là đại diện hợp pháp của cháu Lê Nhật A có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Hoàng Thị T tổng số tiền là 40.759.175 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Vũ Thị Kim L đồng ý thanh toán cho bà Hoàng Thị T giá trị chiếc xe đạp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tổng cộng, ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L là đại diện hợp pháp của cháu Lê Nhật A có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Hoàng Thị T số tiền là 41.759.175 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Lê Đình N và bà Vũ Thị Kim L phải liên đới chịu số tiền 2.037.958 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hoàng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố K;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thế Phương